ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1109 /QĐ-UBND	*Bắc Ninh, ngày 05 tháng 5 năm 2026*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Chi nhánh Công ty TNHH Trần Thành tại Bắc Ninh và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 513/TTr-SNNMT ngày 24/4/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Chi nhánh Công ty TNHH Trần Thành tại Bắc Ninh, địa chỉ trụ sở chính tại lô Q (Thửa 111; 182), KCN Tiên Sơn, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở "Dự án sản xuất bao bì Trần Thành" tại lô Q, KCN Tiên Sơn, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Dự án sản xuất bao bì Trần Thành.

1.2. Địa điểm thực hiện: Lô Q, KCN Tiên Sơn, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với mã số dự án: 6866158866 chứng nhận lần đầu ngày 28/01/2016, chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 05/7/2017. Nơi cấp: Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh.

1.4. Mã số thuế: 0100960807-001.

1.5. Loại hình sản xuất:

- Sản xuất bao bì carton;

- Sản xuất bao bì hạt nhựa;

- Sản xuất tấm địa hình;

- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

1.6.1. Phạm vi:

- Diện tích của cơ sở: 30.000m^2.

- Phân nhóm dự án:

+ Cơ sở thuộc dự án đầu tư nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

+ Cơ sở có tiêu chí về môi trường là dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và STT2, Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

1.6.2. Quy mô, công suất:

- Sản xuất bao bì cartón, với công suất 50.000 tấn sản phẩm/năm;

- Sản xuất bao bì hạt nhựa, với công suất 800 tấn sản phẩm/năm;

- Sản xuất tấm địa hình, với công suất 400 tấn sản phẩm/năm;

- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng diện tích 4.960m^2.

1.6.3. Quy trình sản xuất:

- Quy trình sản xuất bao bì carton:

Nguyên liệu → Kiểm tra IQC → Tạo sóng → In bế/in bổ/bổ bế → Loại bỏ bavia → Dán/ghim → Kiểm tra OQC → Đóng gói, nhập kho → Xuất hàng.

- Quy trình sản xuất bao bì hạt nhựa:

Nguyên liệu → Kiểm tra → Đóng gói, nhập kho → Xuất hàng.

- Quy trình sản xuất tấm địa hình:

Nguyên liệu → Kiểm tra IQC → Dán → Cắt → Bế/cắt hình → Làm sạch lề → Dán keo nhiệt → Kiểm tra OQC → Đóng gói, nhập kho → Xuất hàng.

- Quy trình cho thuê nhà xưởng, văn phòng:

Nhà xưởng, văn phòng cho thuê → Hợp đồng cho thuê nhà xưởng, văn phòng với đơn vị thứ cấp → Thu tiền cho thuê xưởng, văn phòng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Thực hiện các yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chi nhánh Công ty TNHH Trần Thành tại Bắc Ninh:

1. Chi nhánh Công ty TNHH Trần Thành tại Bắc Ninh có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Chi nhánh Công ty TNHH Trần Thành tại Bắc Ninh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Bắc Ninh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại giấy phép môi trường, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Bắc Ninh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh để kiểm tra, xem xét, giải quyết theo quy định.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày Giấy phép môi trường được ký ban hành.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở "Dự án sản xuất bao bì Trần Thành" theo quy định của pháp luật.

Sở Nông nghiệp và Môi trường, Đoàn kiểm tra cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 13/QĐ-NNMT ngày 26/5/2025 của Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Tiên Du: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu và kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở "Dự án sản xuất bao bì Trần Thành".

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh; Chi nhánh Công ty TNHH Trần Thành tại Bắc Ninh và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, THĐT; Trung tâm Thông tin tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (trả kết quả);
- Phòng QLMT-Sở NN&MT (lưu hồ sơ);
- Lưu: VT, KTN Tân

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đào Quang Khải

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1109 */QĐ-UBND ngày 05 / 5 /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Toàn bộ nước thải phát sinh của cơ sở được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50m^3/ngày đêm của cơ sở đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN Tiên Sơn, được thải ra hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN Tiên Sơn.

Vì vậy, cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép xả nước thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải từ khu nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ qua 05 bể tự hoại 03 (kích thước 16m^3/bể); 01 bể tách dầu thể tích 0,539m^3, sau đó qua đường ống PVC D42mm, với chiều dài khoảng 598,51m, dẫn về bể gom nước thải sinh hoạt của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50m^3/ngày đêm của cơ sở.

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ quá trình rửa bản in, rửa khuôn in. Nước thải phát sinh từ quá trình này được thu gom về bể gom nước thải mực in dung tích 3,168m^3, sau đó bơm chuyển về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50m^3/ngày đêm, để xử lý bằng đường ống PVC D50mm, có chiều dài 100m.

- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ quá trình rửa keo dán công đoạn tạo sóng được thu gom về bể gom nước thải keo dán thể tích 3,6m^3 bằng đường ống PVC D160mm, chiều dài khoảng 157,7m, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50m^3/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải khu vực nồi hơi. Định kỳ 3 tháng/lần Chủ cơ sở dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50m^3/ngày đêm để xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN, trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN.

- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ quá trình xả đáy nồi hơi. Hằng ngày, Chủ cơ sở dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50m^3/ngày đêm để xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN, trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN.

- Nguồn số 06: Nước thải từ quá trình hoàn nguyên hạt nhựa trao đổi ion, định kỳ 3 ngày Chủ cơ sở dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50m^3/ngày đêm để xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN, trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung:

Nước thải phát sinh[(1), (2), (3), (4)] → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể trung gian → Bồn lọc cát → Bể khử trùng (Nước thải đạt tiêu chuẩn KCN Tiên Sơn) → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Tiên Sơn.

Trong đó:

(1) Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ → Bể gom nước thải sinh hoạt;

(2) Nước thải mực in → Bể gom nước thải mực in → Thiết bị phản ứng – lắng;

(3) Nước thải keo dán → Bể gom nước thải keo dán;

(4) Nước thải từ quá trình vệ sinh nồi hơi, nước thải từ hệ thống xử lý khí thải nồi hơi, xả đáy nồi hơi, nước thải từ quá trình hoàn nguyên hạt nhựa trao đổi ion.

- Công suất thiết kế: 50m^3/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Hydrochloric acid (HCl), Polyaluminium chloride ($Al_2(OH)nCl_{6-}n$), Calcium hypochlorite ($Ca(OCl)_2$), Polymer anion A1110 ([-CH_2-CH($CONH_2$)-]n với nhóm thế anion), Phèn kép amoni nhôm sunfat ($NH_4Al(SO_4)_2 \cdot 12H_2O$), Natri hydroxit (NaOH).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải:

- Phân công nhân viên chuyên trách để theo dõi và vận hành hệ thống xử lý nước thải, trang bị sổ nhật ký vận hành để ghi chép và kiểm tra tình trạng thiết bị, mức độ ổn định của hệ thống hằng ngày.

- Dự trữ sẵn các vật tư tiêu hao như hóa chất, dầu máy,... để kịp thời thay thế khi có hư hỏng hoặc vật tư hết hạn sử dụng, đảm bảo hệ thống không bị gián đoạn.

- Xây dựng và ban hành quy chế riêng về việc đấu nối, xả thải của các đơn vị thứ cấp vào hệ thống đường ống thu gom nước thải sinh hoạt nhằm đảm bảo không để lẫn hóa chất, rác thải hoặc thành phần không phù hợp gây ảnh hưởng đến vi sinh và hiệu quả xử lý của hệ thống.

- Thiết kế đường ống thu gom phù hợp với lưu lượng thực tế, có lưới chắn rác tại các đầu vào.

- Bố trí các hố ga định kỳ dọc tuyến ống để kiểm tra và thông tắc khi cần thiết.

- Kiểm tra định kỳ toàn bộ hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải.

- Có biện pháp ngăn chặn nước mưa chảy tràn vào hệ thống xử lý gây quá tải.

- Trang bị thiết bị dự phòng: Máy bơm, hệ thống điện dự phòng tại trạm xử lý.

- Đào tạo nhân sự vận hành về quy trình xử lý và ứng phó sự cố.

- Ký kết nội quy trách nhiệm về xả thải với các đơn vị thuê nhà xưởng nhằm kiểm soát chất lượng đầu vào.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải:

- Khi phát hiện tắc nghẽn: Dừng vận hành hệ thống cục bộ và tiến hành thông tắc bằng thiết bị chuyên dụng.

- Khi phát hiện rò rỉ: Khoanh vùng, ngắt đoạn đường ống bị rò, sửa chữa hoặc thay thế ngay.

- Khi hệ thống xử lý gặp sự cố: Vận hành hệ thống dự phòng, tăng cường giám sát và giảm lưu lượng đầu vào nếu cần.

- Báo cáo cơ quan chức năng trong trường hợp tràn nước thải chưa xử lý và thực hiện các biện pháp cô lập, thu gom kịp thời.

- Rà soát lại toàn bộ hệ thống sau sự cố, bổ sung biện pháp phòng ngừa và tổ chức tập huấn lại nếu cần.

1.4.3. Vị trí đấu nối nước thải:

Nước thải sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50m^3/ngày đêm của cơ sở, được đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Tiên Sơn qua 01 vị trí đấu nối nước thải. Tọa độ vị trí đấu nối nước thải: X = 2334787; Y = 395247 (Theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục $107^0$00', múi chiếu 3^0).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải *(theo quy định tại khoản 1 Điều 11 và khoản 1 Điều 38 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP)*.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Tiên Sơn và đấu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Tiên Sơn, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom và thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom và thoát nước thải sau xử lý. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải sau xử lý phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.3. Định kỳ bổ sung chế phẩm vi sinh vào bể tự hoại để nâng cao hiệu quả làm sạch của công trình.

3.4. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung Giấy phép môi trường đã được cấp, Chủ cơ sở phải báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường để kiểm tra, xem xét, giải quyết theo quy định.

3.5. Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban quản lý các KCN tỉnh Bắc Ninh, UBND xã Đại Đồng, Công ty đầu tư phát triển hạ tầng Viglacera và Khu công nghiệp Tiên Sơn để kịp thời xử lý./.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1.Nguồn phát sinh khí thải

Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ khu vực nồi hơi.

2. Dòng khí thải, vị trí xả thải

2.1. Vị trí xả thải: 01 vị trí xả thải sau xử lý được thải ra môi trường.

Dòng khí thải 01 (OK1): Tương ứng với ống xả khí tại khu vực nồi hơi (khí thải phát sinh nguồn số 01).

Toạ độ vị trí xả thải: X = 2331444; Y = 396101.

(Theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục $107^0 00'$, múi chiếu 3^0).

2.2. Lưu lượng khí thải lớn nhất: 15.000m^3/giờ, trong đó:

Dòng khí thải số 01: 15.000m^3/giờ.

2.3. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí, xả liên tục 24/24 giờ khi hoạt động.

2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và phải đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (K_v=1; K_p=1), cột B đến hết ngày 31/12/2031 và QCVN 19:2024/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột B từ ngày 01/01/2032, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (K_v=1; K_p=1)	QCVN 19:2024/BTNMT, cột B	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Lưu lượng	m^3/giờ	-	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Bụi tổng	mg/Nm^3	200	80		
3	SO_2	mg/Nm^3	500	300		
4	CO	mg/Nm^3	1.000	400		
5	NO_x (tính theo NO_2)	mg/Nm^3	850	400		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải:

Khí thải từ khu vực nồi hơi sau khi phát sinh sẽ được hút vào thông qua ống dẫn khí đưa về bể lọc bụi ướt bằng 01 quạt hút, với công suất 15.000m^3/giờ. Khí thải thoát ra ngoài qua 01 ống thoát khí (OK1).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Hệ thống xử lý khí thải từ khu vực nồi hơi (OK1):

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Quy mô: Xử lý khí thải từ khu vực nồi hơi.

- Phương pháp xử lý: Hấp thụ bằng nước vôi trong $Ca(OH)_2$.

- Quy trình xử lý chung: Bụi, khí thải → Ống dẫn khí → Bể lọc bụi ướt → Quạt hút → Ống thoát khí → Môi trường.

- Công suất: 01 quạt công suất 15.000m^3/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: $Ca(OH)_2$.

- Chế độ vận hành: Liên tục.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý khí thải:

- Kiểm tra, bảo trì định kỳ hệ thống thu gom, các mối nối, ống dẫn khí, quạt hút và thiết bị xử lý.

- Theo dõi áp suất, lưu lượng khí, nhiệt độ và nồng độ đầu ra nhằm phát hiện bất thường sớm.

- Lắp đặt thiết bị cảnh báo (đèn báo, còi báo) khi hệ thống xử lý hoạt động kém hiệu quả.

- Dự trữ vật liệu hấp phụ thay thế (than hoạt tính) và thiết bị dự phòng cho quạt hút và motor.

- Thiết lập quy trình vận hành tiêu chuẩn (SOP) và đào tạo nhân viên theo từng ca/kíp.

- Đảm bảo nguồn điện ổn định, có máy phát dự phòng cho các khu vực trọng yếu.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải:

- Khi phát hiện mùi bất thường hoặc nồng độ khí vượt giới hạn, lập tức kiểm tra hệ thống xử lý và thu gom.

- Nếu dung dịch hấp thụ bị bão hòa, cần dừng hệ thống và thay thế ngay dung dịch mới.

- Khi phát hiện rò rỉ khí: Cô lập khu vực, khắc phục điểm rò rỉ và vận hành lại sau kiểm tra an toàn.

- Trường hợp khi có sự cố xảy ra: Dừng ngay hoạt động sản xuất làm phát sinh sự cố và ảnh hưởng tới môi trường; báo cáo cơ quan chức năng trong trường hợp gây thiệt hại đến người và tài sản; khắc phục sự cố, đảm bảo hệ thống xử lý khí thải đạt tiêu chuẩn sau khi khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ khu vực nồi hơi công suất 15.000m^3/giờ của cơ sở đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Văn bản số 21/GXN-STNMT ngày 12/02/2018. Vì vậy, hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ khu vực nồi hơi của cơ sở không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này, trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu ra môi trường.

3.4. Kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo quy định./.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tại khu vực máy đóng lề.

- Nguồn số 02: Tại khu vực cắt bế định hình.

- Nguồn số 03: Tại khu vực tạo sóng.

- Nguồn số 04: Tại quạt hút của hệ thống xử lý khí thải.

- Nguồn số 05: Tại khu vực nồi hơi.

- Nguồn số 06: Tại máy thổi khí khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung đến hết ngày 31/12/2026 và QCVN 26:2025/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung từ ngày 01/01/2027, cụ thể như sau:

*** Tiếng ồn:**

- Bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (khu vực thông thường) đến hết ngày 31/12/2026, cụ thể như sau:

Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
70	55	Không thuộc đối tượng	Khu vực thông thường

- Bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNNMT

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn *(khu vực E - Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và các công trình công nghiệp theo quy định pháp luật)* từ ngày 01/01/2027, cụ thể như sau:

Ban ngày (06 giờ 00 phút đến trước 18 giờ 00 phút) (dBA)	Tối (18 giờ 00 phút đến trước 22 giờ 00 phút (dBA)	Ban đêm (22 giờ 00 phút đến trước 6 giờ 00 phút (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
70	65	60	Không thuộc đối tượng	Khu vực E

*** Độ rung:**

- Bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (khu vực thông thường) đến ngày 31/12/2026, cụ thể như sau:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không thuộc đối tượng	Khu vực thông thường

- Bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2025/BNNMT

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung *(khu vực D - Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và các công trình công nghiệp theo quy định pháp luật)* từ ngày 01/01/2027, cụ thể như sau:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (06:00 ~ trước 22:00)	Đêm (22:00 ~ trước 06:00)		
1	75	70	Không thuộc đối tượng	Khu vực D

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thực hiện lắp đặt máy móc, thiết bị đúng yêu cầu kỹ thuật nhằm làm giảm chấn động khi hoạt động như: xây dựng bệ máy cho mỗi loại máy, cân bằng máy khi lắp đặt, lắp đặt các bộ tắt chấn động lực dùng các kết cấu đàn hồi để giảm rung, …

- Bố trí khoảng cách giữa các máy móc, thiết bị có độ ồn lớn hợp lý.

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị để đảm bảo máy luôn trong tình trạng hoạt động tốt.

- Trang bị cho công nhân vận hành các trang thiết bị chống ồn như nút bịt tai, quần áo bảo hộ, …

- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- Đối với tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện giao thông, vận tải:

+ Không sử dụng các phương tiện đã quá cũ gây ra tiếng ồn và độ rung cao.

+ Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các phương tiện vận tải.

+ Các phương tiện giao thông vận tải phải được tiến hành đăng kiểm theo đúng quy định của pháp luật.

+ Yêu cầu các phương tiện vận chuyển hạn chế nổ máy trong thời gian dừng chờ bốc dỡ nguyên vật liệu và sản phẩm.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

Dự kiến tổng khối lượng phát sinh khoảng 0,33 tấn/năm.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Dự kiến tổng khối lượng phát sinh khoảng 7.602,91 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Dự kiến tổng khối lượng phát sinh khoảng 21,16 tấn/năm.

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải được kiểm soát phát sinh:

Dự kiến tổng khối lượng phát sinh khoảng 10.6218 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH:

- Thiết bị lưu chứa: Các thùng 120 lít có nắp đậy kín có dán nhãn, ghi mã cụ thể đều đáp ứng các yêu cầu về độ an toàn, kỹ thuật của vật liệu chứa theo đúng quy định. Đảm bảo không rò rỉ, không thủng, nứt, không bị ăn mòn và có dán tên, mã CTNH trên bao bì/thùng chứa theo đúng quy định.

- Khu vực lưu chứa: 01 khu CTNH có diện tích 21,6m^2.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Được thu gom, phân loại và lưu giữ tại các thùng chứa dung tích 20-120 lít/thùng, có nắp đậy và bao bì mềm.

- Khu vực lưu chứa: 02 khu chất thải rắn công nghiệp thông thường có diện tích 88m^2 (1 khu diện tích 56m^2; 1 khu diện tích 32m^2).

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Được thu gom, phân loại và lưu giữ tại các thùng chứa dung tích 240 lít, có nắp đậy và bao bì mềm.

- Khu vực lưu chứa: 01 khu chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 10m^2.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy trình của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ CTNH, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường (không bao gồm chất thải ký hiệu TT-R), CTNH cho đơn vị chức năng theo quy định./.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG: Không.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Chi nhánh Công ty TNHH Trần Thành tại Bắc Ninh có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực cơ sở.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở; định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, CTNH phát sinh từ hoạt động của cơ sở theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4 kèm theo, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Tờ trình này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.